

Số: <sup>1804</sup> /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 7 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện Hiệp định CPTPP và các Hiệp định thương mại tự do khác

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lần thứ VI, nhiệm kỳ 2015 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí xây dựng “*Đề án hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện Hiệp định TPP và các Hiệp định thương mại tự do khác*”;

Căn cứ Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 9 tháng 8 năm 2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1818-TB/TU ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 22 tháng 5 năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 30/TTr-SCT ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc đề nghị phê duyệt “*Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện Hiệp định CPTPP và các Hiệp định thương mại tự do khác*”,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện Hiệp định CPTPP và các Hiệp định thương mại tự do khác.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Du lịch, Quỹ đầu tư phát triển

tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TTr. Tỉnh ủy, TTr.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3
- Lưu: VT, VP.

**KT.CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thành Long**





## **BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ ÁN**

### **Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện Hiệp định CPTPP và các Hiệp định thương mại tự do khác trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

## **PHẦN I**

### **SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

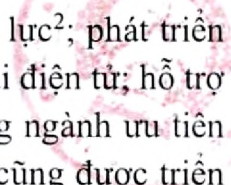
#### **I. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP VÀ TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

1. Bà Rịa – Vũng Tàu là một trong các địa phương có hoạt động kinh tế sôi động với số lượng doanh nghiệp phát triển khá nhanh qua các năm. Đến Quý 1/2019, số doanh nghiệp đăng ký còn hoạt động trên địa bàn là 14.907 doanh nghiệp. Doanh nghiệp ngoài Nhà nước khu vực tư nhân là loại hình có số lượng doanh nghiệp lớn nhất và tốc độ tăng nhanh nhất, chiếm trên 95% số lượng doanh nghiệp. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hầu hết là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), đã và đang đóng góp tích cực vào đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nộp ngân sách, giải quyết lao động và việc làm, duy trì tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội trên địa bàn.

Bên cạnh những cơ hội từ quá trình hội nhập, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn chịu chi phối và tác động của nhiều nhân tố bên ngoài và nội tại của doanh nghiệp. DNNVV còn gặp nhiều khó khăn như ít có khả năng tiếp cận vốn khi không có tài sản thế chấp; không đủ nguồn lực và điều kiện để đổi mới công nghệ, áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng; lương tối thiểu và các khoản bảo hiểm tăng làm tăng chi phí cho doanh nghiệp; khó tiếp cận, tìm kiếm nguồn hàng trong nước phục vụ sản xuất kinh doanh; thiếu thông tin thị trường xuất khẩu... DNNVV cũng khó tiếp cận thông tin về pháp luật, chính sách hơn các doanh nghiệp có quy mô lớn.

2. Trong thời gian qua, bên cạnh các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp triển khai từ Trung ương, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có khá nhiều chương trình hỗ trợ phong phú với các phương thức và nội dung khác nhau. Các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã đi theo quá trình sản xuất kinh doanh và nhu cầu của doanh





ngành như phát triển khoa học công nghệ<sup>1</sup>; phát triển nguồn nhân lực<sup>2</sup>; phát triển thị trường thông qua các hoạt động xúc tiến và phát triển thương mại điện tử; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp<sup>3</sup>; hỗ trợ khởi nghiệp<sup>4</sup>... Theo định hướng ngành ưu tiên của tỉnh, nhiều chính sách, chương trình hỗ trợ cụ thể theo ngành cũng được triển khai như hỗ trợ hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản<sup>5</sup>, chăn nuôi; chế biến thủy, hải sản<sup>6</sup>, phát triển công nghiệp hỗ trợ<sup>7</sup>... Ngoài ra, nhằm tạo môi trường cạnh tranh và phát triển doanh nghiệp, Bà Rịa – Vũng Tàu cũng thực hiện nhiều biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương và phát triển doanh nghiệp<sup>8</sup>; xây dựng các kênh Đối thoại doanh nghiệp, Đường dây nóng của lãnh đạo tỉnh để tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian qua, chính quyền địa phương đã đồng hành với các doanh nghiệp trên địa bàn trong hoạt động và phát triển, nhưng với yêu cầu ngày càng cao và sự cạnh tranh khốc liệt trong điều kiện hội nhập sâu rộng đã và đang đặt ra yêu cầu hỗ trợ tích cực hơn, sát hơn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Hoạt động hỗ trợ không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh chung, mà còn giúp tận dụng tốt nhất các cơ hội từ lộ trình mở cửa thị trường, đồng thời đảm bảo không vi phạm các cam kết của Việt Nam khi tham gia các điều ước quốc tế.

---

<sup>1</sup> Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 về Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hoá giai đoạn 2014 - 2020.

<sup>2</sup> Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 1.000 doanh nhân giai đoạn 2016 – 2020; Chương trình đào tạo lao động cho ngành công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2015-2017...

<sup>3</sup> Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 – 2020 theo Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2015.

<sup>4</sup> Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 về ban hành Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2017-2020.

<sup>5</sup> Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 về phê duyệt Đề án tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 05/9/2012 về quy trình hướng dẫn chính sách, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa.

<sup>6</sup> Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 05/12/2012 về phê duyệt quy hoạch phát triển chế biến và tiêu thụ thủy sản đến năm 2020.

<sup>7</sup> Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 14/02/2012 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2020, có tính đến năm 2025; Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 về ban hành danh mục sản phẩm ưu tiên thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020.

<sup>8</sup> Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 về Kế hoạch hành động về cải thiện Chỉ số PAPI giai đoạn 2017 – 2020. Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2017, định hướng đến 2020.



## II. HỘI NHẬP HIỆP ĐỊNH CPTPP, CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO KHÁC VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA

1. Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Bên cạnh tham gia Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Việt Nam còn tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) khu vực và song phương, trong đó có hai FTA thế hệ mới quan trọng là Hiệp định Đối tác Tiến bộ và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)<sup>9</sup> và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA). Việc cam kết, chuẩn bị và thực thi các FTA, nhất là các FTA thế hệ mới đã và đang tác động đến nhiều mặt đời sống kinh tế - xã hội, thúc đẩy tiến trình cải cách thể chế của Việt Nam nói chung và các địa phương nói riêng. Không chỉ có mở cửa thị trường, các yếu tố như thể chế hay tiêu chuẩn hoạt động của doanh nghiệp quy định trong FTA thế hệ mới sẽ tác động lâu dài đến việc thu hút đầu tư, nâng khả năng kết nối doanh nghiệp vào chuỗi cung ứng toàn cầu và sẽ tác động lâu dài. Khả năng ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực còn phụ thuộc vào sự chuẩn bị sẵn sàng của doanh nghiệp và sự hỗ trợ hiệu quả từ phía các cấp chính quyền.

2. Các yêu cầu trong quá trình tham gia các hiệp định thương mại tự do, nhất là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

- Xuất xứ hàng hoá và các biện pháp phi thuế quan: Để hàng hoá được hưởng ưu đãi về thuế quan quy định trong các FTA, bắt buộc hàng hóa đó phải thỏa mãn quy tắc xuất xứ quy định cho từng hiệp định; qua đó, thúc đẩy thu hút đầu tư sản xuất hàng hóa và nguyên phụ liệu trong khối, nâng cao chuỗi giá trị. Ngoài ra, hàng hoá xuất khẩu còn phải đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật riêng hoặc các biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật nhằm bảo vệ lợi ích, sức khỏe của người tiêu dùng và bảo vệ môi trường.

- Mở cửa thị trường dịch vụ và đầu tư: Phương thức “chọn – bỏ” trong Hiệp định CPTPP là một thách thức trong các cơ quan quản lý của Việt Nam khi phát sinh các lĩnh vực kinh doanh mới. Ngoài ra, tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư với Chính phủ theo cơ chế ISDS (Investor State Dispute Settlement) cũng là vấn đề cần được quan tâm.

- Yêu cầu về cải cách thể chế và cạnh tranh bình đẳng: với “các vấn đề sau biên giới” nhằm thúc đẩy phát triển theo hướng kinh tế thị trường đúng nghĩa như chính sách cạnh tranh và phát triển; quan hệ giữa Nhà nước và thị trường (bao gồm

---

<sup>9</sup> Hiệp định CPTPP đã được thỏa thuận và ký kết dựa trên nền tảng của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) trước đây, nhưng có bổ sung Phụ lục một số điều khoản tạm đình chỉ thực hiện và điều chỉnh cần thiết, sau khi không còn sự tham gia của Hoa Kỳ.



cả vấn đề Mua sắm Chính phủ và Doanh nghiệp nhà nước); vấn đề minh bạch và chống tham nhũng.

- Yêu cầu tuân thủ các tiêu chuẩn hoạt động của doanh nghiệp nhằm đảm bảo điều kiện cạnh tranh bình đẳng khi mở cửa thị trường, hạn chế việc doanh nghiệp hoạt động dưới chuẩn để cạnh tranh về giá. Các quy định tiêu chuẩn về doanh nghiệp thể hiện rõ trong các FTA thế hệ mới với các cam kết về tiêu chuẩn lao động, phát triển bền vững, quản trị doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ...

### **III. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

1. Các Nghị quyết của Trung ương và một số văn bản chỉ đạo của Chính phủ về công tác hội nhập kinh tế quốc tế đã chỉ rõ việc triển khai các chính sách hỗ trợ, tập trung khu vực kinh tế tư nhân. Cụ thể:

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành TW khóa XII về thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT) đã yêu cầu: “Xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân... để khu vực kinh tế này thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế, một lực lượng nòng cốt trong HNKTQT”.

- Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 07/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục triển khai Nghị quyết 22-NQ/TW, yêu cầu địa phương “chú trọng nâng cao năng lực hội nhập, cạnh tranh; rà soát các cơ chế, chính sách, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; và thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp trong hội nhập”.

2. Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 23/10/2015 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lần thứ VI, nhiệm kỳ 2015 – 2020 xác định các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong 5 năm tới, trong đó yêu cầu “Nâng cao vị trí, vai trò của đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh”.

- UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2017 phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí xây dựng "Đề án hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện Hiệp định TPP và các hiệp định thương mại tự do khác".

## **PHẦN 2**

### **NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

#### **I. MỤC TIÊU YÊU CẦU VÀ PHẠM VI**

##### **1. Mục tiêu**



- Đề án giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh chung, vượt qua khó khăn, thách thức trong sản xuất kinh doanh;

- Giúp doanh nghiệp nắm bắt và chuẩn bị tốt các điều kiện để tham gia hiệu quả các FTA, nhất là các FTA thế hệ mới;

- Phát triển trong một số ngành được định hướng nhằm khai thác lợi thế của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

## 2. Yêu cầu

- Có mục tiêu, chủ đích, đối tượng rõ ràng; tránh tràn lan, phù hợp với năng lực tài chính của địa phương;

- Phát huy vai trò chủ động, tích cực của doanh nghiệp, tránh ỷ lại; đồng thời huy động được các nguồn lực xã hội khác tham gia;

- Không vi phạm các cam kết khi Việt Nam gia nhập WTO và các FTA;

- Các giải pháp có tính xuyên suốt theo hoạt động của doanh nghiệp, không cắt khúc theo lĩnh vực quản lý;

- Các chính sách cần có tiêu chí đánh giá khách quan hiệu lực và hiệu quả, có cơ chế phản hồi nhạy bén để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

## 3. Phạm vi

Đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ được xác định và tập trung là **các doanh nghiệp nhỏ và vừa**, thuộc khu vực tư nhân. Tuy nhiên, định hướng nội dung chính sách đề xuất không bó hẹp trong triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, mà có những đề xuất rộng hơn, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh nhằm vừa hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh chung, đồng thời hỗ trợ thực thi hiệu quả các hiệp định thương mại tự do. Các chính sách hỗ trợ đặt trong định hướng phát triển của Bà Rịa - Vũng Tàu được xác định trong các Nghị quyết của Tỉnh ủy và bối cảnh hội nhập ngày càng sâu. Đề án sẽ luận cứ và đề xuất khung khổ các chính sách, nội dung chi tiết sẽ do các Sở ngành chuyên môn triển khai thực hiện. Đề án còn xác định một số nguyên tắc về quy trình chính sách nhằm nâng cao hiệu quả trong quá trình thực thi.

## II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, trong đó khu vực DNNVV, hầu hết thuộc tư nhân sẽ bị tác động lớn nhất. Không chỉ bảo đảm các hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cần có tầm nhìn và chiến lược dài hơi, nâng cao các tiêu chuẩn hoạt động kinh doanh, sẵn sàng cho cạnh tranh và hợp tác, kết nối. Các vấn đề lao động - công đoàn; môi trường và khai thác hiệu quả nguồn lực tự nhiên; mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường không liên quan trực

tiếp đến thương mại, nhưng ngày càng được thể chế hóa và ràng buộc chặt chẽ trong các FTA. Hỗ trợ của chính quyền cần định hướng theo nội dung doanh nghiệp chuẩn bị.

2. Các chính sách hỗ trợ cần phải tuân thủ các nguyên tắc nhất định, cơ bản sẽ không làm méo mó thị trường hoặc tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Hỗ trợ cần có chọn lọc, không thể tràn lan, vừa không đủ nguồn lực vừa tạo ra tính ỷ lại trông chờ bao cấp từ phía Nhà nước. Nguyên tắc tập trung hỗ trợ cho các doanh nghiệp tích cực và hợp tác tốt với chính quyền, sử dụng hiệu quả nguồn lực hỗ trợ. Xem xét hỗ trợ các doanh nghiệp dẫn đầu để lôi kéo các doanh nghiệp khác trong chuỗi giá trị hoặc cụm ngành ưu tiên trên địa bàn và trong Vùng. Cần hỗ trợ DNNVV trong nước kết nối với các doanh nghiệp FDI để có thể tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Hỗ trợ cần đảm bảo tính hệ thống và xuyên suốt theo hoạt động của doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả, tránh cắt khúc theo lĩnh vực quản lý.

3. Cải thiện thực sự môi trường kinh doanh và đầu tư trên địa bàn tỉnh, tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các khu vực kinh tế và phát huy các sáng kiến kinh doanh của doanh nghiệp.

### **III. ĐỊNH HƯỚNG CÁC GIẢI PHÁP, NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP**

#### **1. Nhóm chính sách hỗ trợ về tài chính, tín dụng**

##### **1.1. Hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn ưu đãi**

###### *a) Tổ chức và hoạt động Quỹ bảo lãnh tín dụng*

- Quỹ dành cho đối tượng là DNNVV, có dự án đầu tư, phương án kinh doanh và/hoặc ý tưởng kinh doanh tốt trong lĩnh vực ưu tiên, nhưng không có tài sản thế chấp;

- Nghiên cứu bổ sung chức năng bảo lãnh tín dụng cho Quỹ Đầu tư phát triển hiện nay, không thành lập Quỹ mới.

###### *b) Tiếp tục tổ chức Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp*

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp tục đẩy mạnh tổ chức các hoạt động kết nối giữa ngân hàng và doanh nghiệp, với vai trò trung gian của chính quyền tỉnh.

###### *c) Xây dựng Chương trình kích cầu đầu tư theo các mục tiêu phát triển của địa phương*

Chương trình kích cầu đầu tư nhằm hỗ trợ và thu hút nguồn vốn xã hội vào các định hướng ưu tiên phát triển của địa phương. Trong đó, chính quyền sử dụng



ngân sách để hỗ trợ lãi suất cho các dự án, từ đó thu hút vốn xã hội phát triển theo định hướng.

- Nội dung chính sách: ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất các dự án ưu tiên có vay vốn nhằm đầu tư mới hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Đối tượng thụ hưởng và điều kiện: Doanh nghiệp nhỏ và vừa của Tỉnh có dự án đầu tư mới hoặc mở rộng theo danh mục ngành nghề/lĩnh vực xác định ưu tiên của tỉnh, bao gồm sản xuất công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sạch; nông nghiệp kỹ thuật cao; đầu tư xử lý môi trường; ... Các dự án phải có tính khả thi, được ngân hàng thẩm định và chấp thuận cấp vốn tín dụng. Vốn vay phải được sử dụng đúng mục đích đầu tư.

- Lợi ích cụ thể từ chính sách hỗ trợ: Tùy theo mức độ ưu tiên, dự án sẽ được hỗ trợ lãi suất tín dụng (tính theo lãi suất bình quân của 04 ngân hàng thương mại lớn nhất) với tỷ lệ 30%- 50% trong vòng 2-7 năm tùy theo khả năng ngân sách của tỉnh và quy mô các dự án với hạn mức tín dụng.

Giao Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

## ***1.2. Hỗ trợ doanh nghiệp thành lập/chuyển đổi từ hộ kinh doanh***

- Hỗ trợ tư vấn đăng ký kinh doanh, cấp phép; tư vấn, hướng dẫn thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán (trong 2 năm); ưu đãi tín dụng theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Trung ương kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu<sup>10</sup>...

- Sở Kế hoạch Đầu tư phối hợp Sở Tài chính và Cục Thuế triển khai hoạt động hỗ trợ; nghiên cứu hướng dẫn của các Bộ ngành theo Chỉ thị số 15/CT-TTg của ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ để ban hành Kế hoạch triển khai đồng bộ.

## **2. Nhóm chính sách hỗ trợ tiếp cận và phát triển thị trường**

### ***2.1. Hỗ trợ phát triển thị trường xuất khẩu***

*a) Hỗ trợ thông tin về thị trường xuất nhập khẩu và mở rộng thị trường xuất khẩu*

- Tích hợp nội dung và xây dựng chuyên trang về thị trường xuất nhập khẩu trên website [info.bariavungtau.gov.vn](http://info.bariavungtau.gov.vn) cung cấp thông tin giá cả các mặt hàng/sản phẩm, kim ngạch xuất nhập khẩu, lộ trình thuế quan, các hàng rào phi thuế quan, thủ

---

<sup>10</sup> Điều 18 - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

tục xuất nhập khẩu, thói quen tiêu dùng, đối tác xuất nhập khẩu... Doanh nghiệp được cung cấp thông tin cơ bản miễn phí, các thông tin được xử lý theo yêu cầu thì trả phí dịch vụ.

Nghiên cứu, tạo lập nhóm doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, trên cơ sở đó có giải pháp kết nối và chính sách hỗ trợ, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp có năng lực, sản phẩm tốt đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, mở rộng thị trường ra các nước.

- Sở Công Thương xây dựng đề án và triển khai cho các doanh nghiệp.

*b) Hỗ trợ tham gia các hoạt động xúc tiến thị trường nước ngoài*

- Cải tiến các chương trình xúc tiến thương mại ra thị trường nước ngoài; tập trung các thị trường trọng điểm, có tiềm năng với từng ngành hàng chủ lực thuộc khu vực tư nhân của tỉnh, thị trường có FTA.

- Chuyển giao vai trò tổ chức hoạt động cho các Hội/Hiệp hội ngành hàng nhằm xác định đúng nhu cầu phát triển thị trường của các doanh nghiệp trong ngành.

*c) Hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các ưu đãi thuế quan từ các FTA*

- Tổ chức các buổi tập huấn chuyên sâu cho doanh nghiệp trong một số ngành/sản phẩm trọng điểm về: (i) lộ trình mở cửa thị trường khi Việt Nam tham gia các FTA; (ii) các thủ tục về quy tắc xuất xứ (ROO) và điều kiện tự chứng nhận xuất xứ; (iii) tận dụng C/O ưu đãi... với nhóm đối tượng doanh nghiệp/thương nhân xuất khẩu. Trước mắt tổ chức tập huấn về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định CPTPP theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019.

*d/ Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định CPTPP của tỉnh theo Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP*

- Sở Công Thương chủ trì, xây dựng kế hoạch tập huấn chuyên sâu hàng năm cho các doanh nghiệp có nhu cầu.

## **2.2. Hỗ trợ phát triển thị trường nội địa**

- Rà soát và tiếp tục triển khai các hoạt động và chương trình khuyến khích tiêu dùng nội địa như chương trình bình chọn sản phẩm tiêu biểu (cấp tỉnh và quốc gia) do người tiêu dùng bình chọn; Chương trình bình ổn thị trường đối với các mặt hàng thiết yếu; Chương trình vận động “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”; tổ chức các hội chợ trên địa bàn tỉnh và Vùng, trong đó hỗ trợ kinh phí cho DNNVV tham gia quảng bá sản phẩm, dịch vụ.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các đơn vị triển khai hàng năm.



### **2.3. Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm/doanh nghiệp**

- Xây dựng chương trình phát triển thương hiệu các sản phẩm, dịch vụ cho doanh nghiệp trên địa bàn nhằm hỗ trợ kiến thức cơ bản về thương hiệu (kết hợp tập huấn về nhãn hiệu và quản trị sở hữu trí tuệ); hỗ trợ đồng bộ từ ứng dụng các bộ công cụ, tư vấn cải tiến và áp dụng công cụ quản lý chất lượng sản phẩm đến đào tạo đội ngũ nhân sự; hỗ trợ phát triển thương hiệu đối với một số sản phẩm xuất khẩu tiêu biểu của tỉnh ra thị trường nước ngoài.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương xây dựng và triển khai.

### **2.4. Xây dựng chương trình kết nối cung - cầu**

- Tổ chức các hoạt động kết nối; xây dựng chợ nguyên phụ liệu, “chợ đầu mối” trên internet cho từng ngành hàng hoặc kết nối khu vực FDI và doanh nghiệp trong nước, phải có giải pháp sâu để DNNVV kết nối được với chuỗi sản phẩm doanh nghiệp FDI ngay từ khi được cấp phép đầu tư ... Các doanh nghiệp tham gia phải đáp ứng một số tiêu chuẩn về năng lực sản xuất, về hàng hóa/sản phẩm hoặc dịch vụ, cũng như quy trình cụ thể; xem xét mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp tại các địa phương khác trong Vùng hoặc một số địa phương khác. Xây dựng chuyên mục trên trang *info.bariavungtau.gov.vn*, sau đó theo nhu cầu xây dựng chuyên trang riêng.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị liên quan triển khai.

## **3. Nhóm chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ, môi trường và tiêu chuẩn chất lượng**

### **3.1. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; quản trị tài sản trí tuệ**

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng và duy trì các hệ thống quản lý và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng; quản trị tài sản trí tuệ. Xem xét áp dụng mức hỗ trợ 30-50% chi phí thực tế (hoặc bình quân) thay vì mức hỗ trợ bằng tiền mặt. Tư vấn, hỗ trợ đào tạo để doanh nghiệp (nhất là DNNVV) đảm bảo duy trì các tiêu chuẩn quản lý chất lượng và hướng tới nâng cấp. Tổ chức các khóa tập huấn về quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp, ưu tiên cho DNNVV theo dạng Module, để đáp ứng nhu cầu và trình độ khác nhau của doanh nghiệp.

- Sở Khoa học Công nghệ chủ trì và triển khai.

### **3.2. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ**



- Nghiên cứu đưa các dự án/đề án sản xuất sạch hơn, xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng, đổi mới công nghệ, thiết bị vào Chương trình kích cầu đầu tư, trong đó, doanh nghiệp phải đầu tư dự án và ngân sách Tỉnh hỗ trợ về lãi suất theo mức độ ưu tiên (từ 30-100% lãi suất) nhằm thu hút vốn đầu tư xã hội và nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí hỗ trợ; do Quyết định số 31/QĐ-UBND quy định hình thức hỗ trợ theo đề án (khởi động hoặc thử nghiệm) với mức 300-500 triệu nhưng chưa phân biệt quy mô đầu tư dự án chính.

- Sở Khoa học Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai.

### ***3.3. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp thương mại điện tử***

- Rà soát, bổ sung các nội dung về quản lý và hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho phù hợp với Luật An ninh mạng trên nền tảng tiếp tục thực hiện Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND.

- Tích hợp với Kế hoạch thương mại điện tử của tỉnh giai đoạn 2017-2020, do Sở Công Thương chủ trì, với một số hoạt động hỗ trợ cho DNNVV như khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và duy trì thông tin hoạt động, quảng bá sản phẩm/dịch vụ qua website của doanh nghiệp và kết nối một số kênh bán lẻ trực tuyến; khuyến khích các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; mở rộng chữ ký điện tử của chủ doanh nghiệp trong các giao dịch/hợp đồng; ứng dụng phần mềm quản lý...

### ***3.4. Hỗ trợ toàn diện để xây dựng và triển khai dự án nâng cao năng suất và chất lượng đối với doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh***

- Xem xét đưa các dự án sản xuất sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh vào danh mục thuộc chương trình kích cầu đầu tư, nhưng không chỉ hỗ trợ lãi suất theo nhu cầu đầu tư, mà còn được tư vấn hỗ trợ toàn diện về nâng cao năng suất và quản lý chất lượng.

- Sở Khoa học Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, triển khai.

### ***3.5. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo***

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 28/11/2016; trong đó, chú trọng vào hoạt động kết nối với hệ sinh thái khởi nghiệp các địa phương khác như thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương đồng thời có những hướng dẫn khai thác các tiềm năng phát triển của tỉnh phù hợp với quy mô DNNVV.



- Sở Khoa học Công nghệ chủ trì và triển khai.

#### **4. Nhóm chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

##### **4.1. Tiếp tục triển khai Chương trình bồi dưỡng kiến thức kỹ năng cho doanh nhân**

- Tiếp tục thực hiện Chương trình bồi dưỡng tập huấn doanh nhân của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2016 – 2020 theo Quyết định số 3245/QĐ-UBND ngày 15/11/2016; bổ sung nội dung phù hợp trên cơ sở đánh giá nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và yêu cầu quá trình hội nhập. Gắn với Chương trình khởi nghiệp và các Chương trình hỗ trợ theo ngành, đảm bảo tính đồng bộ, tránh trùng lặp.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai.

##### **4.2. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho các Chương trình mục tiêu**

- Nghiên cứu và triển khai các chương trình/nội dung phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho các chương trình mục tiêu, ngành ưu tiên của tỉnh công nghiệp hỗ trợ, chế biến sâu/tinh chế từ nông thủy hải sản, công nghệ cao, tiểu thủ công nghiệp - mỹ nghệ; du lịch, logistics; nông nghiệp kỹ thuật cao... cho cả ba cấp - cấp cao, quản lý doanh nghiệp; cấp trung và công nhân kỹ thuật, chuyên viên. Hỗ trợ thông qua tổ chức các khóa đào tạo tại địa phương, tổ chức theo các ngành hàng, hỗ trợ theo đầu ra... với tổng mức hỗ trợ không quá 50% hoặc tùy mức độ ưu tiên có mức hỗ trợ khác nhau<sup>11</sup>.

- Các Sở chuyên ngành căn cứ vào chức năng nhiệm vụ để xây dựng đề án hỗ trợ

##### **4.3. Hỗ trợ thông tin về thị trường lao động, kết nối với các tỉnh trong Vùng**

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở ngành liên quan và các Trung tâm giới thiệu việc làm, các Hội ngành nghề, VCCI xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường lao động, thông báo kịp thời diễn biến về cung - cầu lao động cho các bên liên quan tham khảo, sử dụng. Đồng thời từng bước dự báo về nhu cầu thị trường lao động trong tương lai để có sự điều chỉnh định hướng đào tạo.

- Hỗ trợ mở rộng ứng dụng phần mềm quản lý nguồn lực ERP (song song với hỗ trợ về thương mại điện tử) cho DNNVV, trong đó quản lý nguồn lao động chuyên ngành, lao động tự do trong ngành du lịch, công nghệ thông tin, thiết kế...

##### **4.4. Tiếp tục triển khai các Chương trình dạy nghề trên địa bàn**

<sup>11</sup> Trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cho phép một số nhóm đối tượng được hỗ trợ đào tạo miễn phí.



Kết hợp chương trình khuyến công và chuyển đổi nghề nghiệp cho các vùng ven, vùng đô thị hóa và nông thôn. Xem xét hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho các doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình hội nhập sâu (mất thị trường, thu hẹp ngành nghề sản xuất truyền thống, không có khả năng cạnh tranh...). Hỗ trợ đào tạo nghề cho doanh nghiệp chuyển đổi tư sơ chế sang tinh chế các sản phẩm trong chuỗi giá trị (thủy hải sản, nông sản,...) đồng bộ với hỗ trợ về đầu tư và kỹ thuật.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Lao động Thương binh và Xã hội, các Sở ngành liên quan thực hiện.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho các dự án trên địa bàn tỉnh. Trong đó, cần quan tâm, hỗ trợ cho các trường nghề hoạt động; yêu cầu chủ đầu tư các Khu công nghiệp cần chủ động, tích cực, có kế hoạch, lộ trình phối hợp với các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp để tổ chức, đào tạo nhân lực phục vụ cho các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp. Nghiên cứu, xác định các chính sách để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các Doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển.

Nghiên cứu hình thành một trường dạy nghề đào tạo đội ngũ lao động có tay nghề cao phục vụ cho các nhà đầu tư thứ cấp tại KCN Phú Mỹ 3, từng bước hướng tới mục tiêu đào tạo nghề chất lượng cao cung cấp cho cả khu vực, có thể kêu gọi Xã hội hóa hoặc có chính sách hỗ trợ cho các trường dạy nghề tư nhân mở rộng quy mô đào tạo. Chú trọng đến các giải pháp để đảm bảo không thâm dụng lao động.

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện.

## **5. Nhóm hỗ trợ thông tin, tư vấn về pháp lý và hội nhập**

### **5.1. Tiếp tục triển khai Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và Phát triển các tổ chức tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp**

- Tiếp tục triển khai Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015 – 2020 theo Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2015. Nghiên cứu bổ sung các vấn đề cấp thiết cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh và hội nhập như Công ước Viên về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; tranh chấp hợp đồng thương mại; phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, trợ cấp và biện pháp tự vệ)... cho doanh nghiệp; lồng ghép với tập huấn cho doanh nghiệp nội dung cơ bản về pháp lý trong kinh doanh; đa dạng hoá các hình thức chuyển tải thông tin.

- Xây dựng chương trình nâng cao năng lực cho các Trung tâm tư vấn; các Văn phòng, Công ty luật, song song với việc khuyến khích các tổ chức/đơn vị tham gia hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp dưới hình thức tư vấn viên theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đề ra các giải pháp tích cực, khả thi trong việc hỗ trợ pháp lý



cho người lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Công đoàn để bảo vệ tốt quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, làm cho người lao động thực sự tin tưởng và tích cực tham gia; đồng thời đặc biệt quan tâm, có biện pháp nắm chắc tình hình để định hướng cho các tổ chức đại diện tập thể người lao động được hình thành theo cam kết của Việt Nam hoạt động đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan triển khai.

### **5.2. Hỗ trợ trong thực hiện các thủ tục hành chính**

Có các chính sách hỗ trợ cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ, hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp trong một số công đoạn nhằm rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp. Nâng cao thứ hạng PCI, PAPI, PAR Index của tỉnh.

- Các sở, ngành triển khai

### **5.3. Hỗ trợ tiếp cận đất đai**

Tăng cường các giải pháp để nâng cao khả năng tiếp cận đất đai của các doanh nghiệp; Cung cấp thông tin, công bố công khai các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng thời kỳ. Có kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp trong các thủ tục về đất đai cho các dự án đầu tư.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện.

## **6. Nhóm chính sách hỗ trợ theo ngành nghề và lĩnh vực**

### **6.1. Một số chính sách phát triển ngành công nghiệp**

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan rà soát và tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ hiện tại.

a) Tiếp tục triển khai *chính sách khuyến công*, bao gồm hỗ trợ các ngành sản xuất sạch hơn; ngành tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nông thôn,... Nâng mức hỗ trợ theo Thông tư 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính.

b) *Phát triển ngành công nghiệp chế biến*; trong đó, *bổ trí mặt bằng và hỗ trợ đồng bộ* để đảm bảo doanh nghiệp chế biến nông sản và thủy hải sản có khả năng tham gia tốt nhất, hạn chế gián đoạn sản xuất; *hỗ trợ chuyển đổi sản xuất từ sơ chế sang tinh chế*, đồng bộ từ hỗ trợ tiếp cận thị trường, đầu tư dây chuyền sản xuất và đào tạo nâng cao tay nghề công nhân.

c) *Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ*. Ngành công nghiệp hỗ trợ đòi hỏi sự đầu tư rất lớn, đồng bộ trên cả 4 vấn đề: (i) Thị trường; (ii) Công nghệ/Vốn; (iii) Nhân lực; và (iv) Xử lý môi trường. Tiếp tục huy động và hỗ trợ từ các dự án tài trợ nước ngoài (như JICA) để đánh giá năng lực kết nối/tham gia của doanh nghiệp



trong nước với chuỗi giá trị của các doanh nghiệp FDI; xác định ngành/lĩnh vực có độ lan tỏa cao; dung lượng thị trường; yêu cầu chuyển giao công nghệ, hỗ trợ các nguồn lực tương ứng (vốn, nhân lực) để doanh nghiệp trong nước có thể tham gia chuỗi cung ứng... Xây dựng chương trình hỗ trợ đồng bộ cả 4 vấn đề trên.

d) *Phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao.* Nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Bà Rịa - Vũng Tàu, trong đó khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến và phát triển một số ngành công nghệ cao phù hợp trên địa bàn. Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp nâng tỷ lệ đầu tư cho nghiên cứu triển khai (R&D) và các hoạt động sáng tạo khác.

## **6.2. Một số chính sách phát triển ngành dịch vụ**

### *a) Về ngành dịch vụ logistics*

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan triển khai.

### *b) Về ngành du lịch*

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 về ban hành Chương trình hành động Nghị quyết số 09-NQ/TU về phát triển ngành du lịch trên địa bàn giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2030. Phát triển đồng bộ các dịch vụ vui chơi, giải trí, mua sắm và các sản phẩm đặc trưng thu hút khách du lịch khi đến Vũng Tàu. Đặt tiêu chí tăng thu hút khách nước ngoài và tăng chi tiêu trên địa bàn.

- Sở Du lịch chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan triển khai.

## **6.3. Một số chính sách phát triển ngành nông nghiệp/thủy sản**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan triển khai các hoạt động hỗ trợ hiện hành.

### *a) Phát triển ngành nông nghiệp kỹ thuật cao, nông nghiệp sạch*

- Quy hoạch vùng phát triển nông sản hàng hóa trên địa bàn, với loại cây trồng và quy mô phù hợp. Kiểm soát chặt chẽ từ khâu giống, làm đất, tưới tiêu, canh tác, đến thu hoạch và bảo quản nông phẩm. Ứng dụng các tiêu chuẩn quản lý xuyên suốt quá trình nuôi trồng (Global GAP; ISO,...)

- Hỗ trợ doanh nghiệp/trang trại/hộ nông dân thông tin thị trường, trình diễn kỹ thuật mới, vốn tín dụng và đào tạo. Cam kết bao tiêu và hỗ trợ tối đa nếu hợp tác tốt, đảm bảo tính ổn định đầu ra cả số lượng và chất lượng.



- Xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung, các chuỗi liên kết trong chăn nuôi, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, gắn chặt với các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm.

*b) Hỗ trợ đánh bắt hải sản xa bờ*

- Tăng cường phổ biến pháp luật về IUU (khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định) cho ngư dân, cán bộ và các tổ chức có liên quan đến hoạt động đánh bắt thủy sản;

- Xây dựng và hoàn thiện quy trình xác nhận sản phẩm thủy sản từ khai thác; bảo đảm việc cấp giấy xác nhận nguồn gốc thủy sản phải căn cứ vào hồ sơ đã lưu, hành trình khai báo trong sổ nhật ký khai thác, khớp với dữ liệu hành trình của hệ thống giám sát tàu cá.

#### **IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

##### **1. Nội dung chính sách hỗ trợ cần đồng bộ với quá trình hoạt động của doanh nghiệp**

Khi đề xuất ban hành một chính sách hỗ trợ, cần đảm bảo tính đồng bộ, xuyên suốt quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hạn chế tình trạng cắt khúc, hành chính hóa theo lĩnh vực quản lý của từng Sở ngành. Các chính sách hỗ trợ có tính kỹ thuật hoặc phát triển ngành cần đảm bảo hỗ trợ tích cực và đồng bộ về vốn, nhân lực, thị trường, thủ tục hành chính... và ngược lại, các hỗ trợ về nguồn lực cần có tính mục đích hay định hướng phát triển rõ ràng. Cần thiết tăng cường tính liên ngành của các văn bản ban hành chính sách hỗ trợ với vai trò chủ trì của một Sở ngành và sự tham gia và trách nhiệm rõ ràng của các Sở ngành khác liên quan.

##### **2. Đảm bảo quy trình xây dựng và ban hành chính sách với sự tham gia tích cực của đối tượng thụ hưởng**

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân trên địa bàn tỉnh khi tham mưu xây dựng văn bản quy phạm ban hành chính sách mới cần bám sát và thực hiện nghiêm túc, thực chất quy trình đề xuất, lấy ý kiến, và đề nghị thẩm định đã được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, nhằm đảm bảo chính sách mới phù hợp về thẩm quyền, nội dung tương thích với các văn bản hiện hành và đáp ứng nhu cầu thực tế.

Cần thay đổi cách thức tiếp cận tích cực chủ động nhằm giúp thu hút DNNVV nói riêng, cộng đồng doanh nghiệp nói chung quan tâm hơn đến việc xây dựng chính sách, đảm bảo chính sách đáp ứng đúng nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



### **3. Phổ biến chính sách được ban hành đến đối tượng thụ hưởng**

Đa dạng hoá các hình thức phổ biến chính sách hỗ trợ đến doanh nghiệp, đối tượng thụ hưởng, nhằm đảm bảo doanh nghiệp tiếp cận nội dung chính sách một cách nhanh chóng, dễ dàng và chính xác. Ngoài các hình thức thông thường như công bố qua công báo, đăng tải trên website của Sở ngành chủ trì, cần tăng cường các hoạt động cung cấp thông tin chính sách đến tận đối tượng bằng tờ rơi, các buổi thông tin chuyên đề cho các nhóm doanh nghiệp là đối tượng chính sách hoặc theo Hội/Hiệp hội doanh nghiệp. Đối với một số chính sách quan trọng cần xây dựng kế hoạch phổ biến chính sách kèm theo, đảm bảo triển khai chính sách bài bản

### **4. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia, thực thi và phản hồi chính sách**

Rà soát lại yêu cầu về hồ sơ tham gia chương trình, chính sách hỗ trợ theo hướng cắt giảm thủ tục thực hiện; kết nối với các tổ chức xã hội nghề nghiệp hỗ trợ, tư vấn, chuẩn bị hồ sơ theo yêu cầu của từng chương trình hỗ trợ. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện đánh giá và phản hồi chính sách, song song với việc giải quyết, xử lý các vấn đề mới phát sinh hoặc kiến nghị của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Xem xét xây dựng chuyên trang thông tin điện tử tổng hợp về chính sách cho doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trên cơ sở tích hợp các chức năng riêng biệt hiện có.

### **5. Nâng cao năng lực của đội ngũ và các đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp**

Về lâu dài, cần có kế hoạch nâng cao năng lực chuyên môn và các kỹ năng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, phân tích, đánh giá chính sách, rà soát văn bản... cho đội ngũ cán bộ, công chức viên chức nhằm đảm bảo thực hiện đúng và hiệu quả quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Nâng cao năng lực của các đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp như Hiệp hội, hội ngành nghề, VCCI và một số trung tâm hỗ trợ trực thuộc các sở ngành. Nghiên cứu bổ sung chức năng, nhiệm vụ về hỗ trợ DNNVV cho Trung tâm Xúc tiến Đầu tư (thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư) nhằm triển khai hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## **PHẦN 3**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

##### **1. Trách nhiệm chung của các Sở ngành**

Rà soát các chính sách hoặc chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong phạm vi lĩnh vực phụ trách; bổ sung hoặc điều chỉnh các chính sách hỗ trợ mới theo yêu cầu



từ Trung ương; tích hợp các nội dung đề xuất từ Đề án và đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp trên địa bàn.

Triển khai các biện pháp giúp doanh nghiệp tiếp cận tốt nhất chính sách ban hành như xây dựng kênh thông tin, hoặc chuyên trang về chính sách hỗ trợ; cơ chế phản hồi thông tin chính sách từ doanh nghiệp.

Bồi dưỡng nâng cao năng lực xây dựng chính sách của đội ngũ cán bộ và năng lực các đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp trong phạm vi phụ trách.

## **2. Sở Công Thương**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện Đề án. Tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ sơ tổng kết trong từng giai đoạn triển khai.

Rà soát các chương trình, chính sách hỗ trợ hiện tại cho doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng trong ngành công thương.

Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là phổ biến nội dung các hiệp định thương mại tự do, xây dựng cẩm nang hội nhập cho từng ngành, từng thị trường.

Phối hợp triển khai chuyên trang tổng hợp về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; xây dựng cơ chế và kênh phản hồi chính sách cho doanh nghiệp.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Nghiên cứu, xem xét các chính sách hỗ trợ mới theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các Nghị định liên quan và các chính sách đặc thù phù hợp với định hướng và nhu cầu phát triển của địa phương.

Đầu mối xây dựng chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ doanh nhân các cấp, các ngành và lĩnh vực.

## **4. Sở Tư pháp**

Đầu mối tổng hợp rà soát các chương trình, chính sách hỗ trợ hiện tại cho doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng trên địa bàn tỉnh. Tổ chức xây dựng, in ấn và phát hành các ấn phẩm như tờ rơi, tờ gấp, cẩm nang... nhằm phổ biến và giới thiệu chính sách. Phối hợp thiết lập kênh thông tin, cơ chế phối hợp giữa các Sở ngành trong triển khai chính sách.

Phối hợp tổ chức các khoá tập huấn cho cán bộ công chức, viên chức về kỹ năng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, phân tích, đánh giá chính sách... Phối hợp tổ chức các khoá tập huấn cho cán bộ hội, đội ngũ luật sư, luật gia.

## **5. Sở Nội vụ**

Tổ chức các khoá tập huấn cho cán bộ công chức, viên chức về kỹ năng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; kỹ năng phân tích, đánh giá chính sách với việc sử dụng các bộ công cụ, tiêu chí cụ thể; kỹ năng rà soát văn bản...; thường xuyên cập nhật thông tin, kiến thức mới trong lĩnh vực quản lý từ chủ trương, chính sách mới từ Trung ương đến các quy định, cam kết quốc tế liên quan. Tổ chức các khoá tập huấn cho cán bộ hội, đội ngũ luật sư, luật gia về kỹ năng khuyến nghị chính sách, kỹ năng viết đề xuất dự án, vận động tài trợ.

## **6. Sở Tài chính**

Tham mưu đảm bảo nguồn ngân sách cho việc triển khai các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể của Đề án; cân đối bố trí nguồn vốn cho các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hàng năm.

## **7. Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

Xây dựng đề án về Chương trình kích cầu đầu tư của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo các nội dung đề xuất trong Đề án, có tham khảo các mô hình tương tự và phù hợp với nguồn lực của tỉnh.

## **8. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Du lịch, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh và các Sở ngành liên quan**

Rà soát các chương trình, chính sách hỗ trợ hiện tại cho doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng do đơn vị thực hiện, bổ sung các nội dung mới cho các doanh nghiệp.

Hỗ trợ giới thiệu và chuyển tải các ấn phẩm phổ biến và giới thiệu chính sách đến doanh nghiệp. Tham gia kênh thông tin, cơ chế phối hợp giữa các Sở ngành trong triển khai chính sách.

## **9. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Đài PTTH tỉnh**

Có kế hoạch tuyên truyền Đề án sâu rộng đến các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp, đến cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

# **II. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

## **1. Giai đoạn 2018 – 2020**

a) Tập trung chuẩn bị, xây dựng và tiến hành các thủ tục phê duyệt các chương trình, dự án cụ thể để triển khai thực hiện Đề án;

b) Triển khai thực hiện các chương trình/dự án theo các mục tiêu, nội dung và tiến độ đã được phê duyệt;

c) Tổng kết, đánh giá giữa kỳ việc thực hiện Đề án.

## **2. Giai đoạn 2020 – 2025**



a) Tiếp tục thực hiện các chương trình/dự án đã được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở kết quả đánh giá giữa kỳ.

b) Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ các nguồn:

1. Ngân sách của địa phương.
2. Ngân sách thông qua thực hiện các chương trình của Trung ương.
3. Kinh phí huy động từ các nguồn khác, bao gồm:
  - Xã hội hóa, vốn của doanh nghiệp, cá nhân tham gia;
  - Vốn ODA hoặc đầu tư trực tiếp của nước ngoài thông qua các chương trình, dự án tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật.